

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Sửa chữa đường Đèo Khế - Phả Lý - Cầu Mai xã Văn Hán.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 18/05/2026 của UBND xã Văn Hán về việc điều chỉnh, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 xã Văn Hán (lần 2);*

*Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND xã Văn Hán về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Văn Hán (lần 2);*

*Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 18/05/2026 của UBND xã Văn Hán về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án đầu tư công năm 2026 xã Văn Hán (lần 2);*

*Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND xã Văn Hán về việc Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xóm Phả Lý đi xóm Đèo Khế, xã Văn Hán;*

*Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND xã Văn Hán về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Văn Hán (lần 3);*

*Căn cứ Văn bản số 55/KT - TĐ ngày 29/6/2026 của phòng Kinh tế xã Văn Hán về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Sửa chữa đường Đèo Khế - Phả Lý - Cầu Mai xã Văn Hán;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã Văn Hán tại tờ trình số 337/TTr-KT ngày 29/6/2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Sửa chữa đường Đèo Khế - Phả Lý - Cầu Mai xã Văn Hán với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên công trình:** Sửa chữa đường Đèo Khế - Phả Lý - Cầu Mai xã Văn Hán;

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Văn Hán.

**3. Chủ đầu tư:** Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Văn Hán

**4. Mục tiêu, Quy mô đầu tư xây dựng**

**4.1. Mục tiêu đầu tư:** Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đảm bảo an toàn giao thông, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

**4.2. Quy mô đầu tư:**

\* Chiều dài tuyến: Từ cọc K0- DC dài =2116,78 m. Điểm đầu tại cọc K0, đầu nối với đường BT 5,5m đã có sẵn đi trung tâm xã. Điểm cuối tại vị trí cọc DC (ngoài thực địa) khu vực ranh giới địa chính với xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên đi xóm Đèo

Khê, xóm Cây Bòng xã La Hiên. Trong đó vị trí từ cọc K0- 2b (L=22.08m), thuộc khu vực Trần, sẽ được đầu tư phân kỳ giai đoạn sau:

\* Quy mô xây dựng: Bề rộng mặt đường:  $B_{\text{mặt}}=2*2,75=5,5$  m; Độ dốc ngang mặt đường:  $I_{\text{mặt}} = 2\%$ ; Bề rộng lề đường:  $B_{\text{lề}}= 0,75*2=1,5$ m; Độ dốc ngang lề đường:  $I_{\text{lề}} = 4\%$ ; Bề rộng nền đường:  $B_{\text{nền}}=5,5+1,5=7,0$ m; Taluy đào 1/0.75; taluy đắp 1/1.5; Rãnh đào hình thang KT : 100\*30\*40 cm. Công suất thiết kế:  $V_{\text{tk}}=20$ km/h

- Kết cấu áo đường

+ Đối với nền đường đất: Từ K0-C41, C51-DC, Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau: Mặt đường BTXM M250, đá 2\*4 dày 18 cm; Dải Nilon cách ly, Lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 12 cm; Đất đắp nền đầm chặt đạt  $K= 0,95$ ( áp dụng nền đắp); Đối với các vị trí nền đất yếu, qua ruộng. Tiến hành vét hữu cơ trung bình từ 0.3-0,5 m (Tùy từng vị trí được thể hiện chi tiết trên trắc ngang) trước khi tiến hành đắp đất nền đường.

+ Đối với nền đường hiện trạng là đường BTXM rộng trung bình 3m: từ C41-C51:

- Với phần cạp mở rộng nền đường (nền đất), kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau: Mặt đường BTXM M250, đá 2x4cm: dày 18 cm, Dải lớp Nilon cách ly; Lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 12 cm (đắp đầm chặt  $K=0,98$ ); Đất đắp nền đầm chặt đạt  $K= 0,95$  ( áp dụng nền đắp); Đối với các vị trí nền đất yếu, qua ruộng. Tiến hành vét hữu cơ trung bình từ 0.3-0,5 m (Tùy từng vị trí được thể hiện chi tiết trên trắc ngang) trước khi tiến hành đắp đất nền đường.

- Với phần mặt đường là lớp BTXM cũ. Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau: Mặt đường BTXM M250, đá 2x4cm dày 18 cm, Dải lớp Nilon cách ly, Bù vênh bằng Bê tông xi măng M250, đá 2\*4 khi chiều dày bù vênh <10 cm, Bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại 2 khi chiều dày bù vênh  $\geq 10$  cm

- Khe co-dẫn:

- Khe co: Trung bình cứ 4m/khe tiến hành cắt khe BTXM có KT= 5\*50 mm rót đầy bằng nhựa đường.

+ Khe dọc: Cắt khe BTXM có KT=5\*50 mm rót đầy bằng nhựa đường.

+ Khe dẫn: Trung bình cứ 12 khe co (52m/khe) tiến hành cắt 1 cắt khe dẫn BTXM KT=10\*200 mm rót đầy bằng nhựa đường.

- Kết cấu tường chắn:

Tại khu vực ven sông, suối, ao hồ các khu vực đắp cao không giải phóng được mặt bằng, tiến hành xây dựng kè chắn đất bằng đá hộc xây :

+ Kết cấu móng kè và thân kè xây đá hộc M100, thiết kế tầng lọc ngược để thoát nước ngang thân kè (2m/ống).

+ Trung bình 10-15m hoặc tại các vị trí thay đổi chiều cao, kích thước tường chắn bố trí 1 khe phòng lún, bao tải đáy tấm nhựa đường.

- Cống thoát nước địa hình:

Trên tuyến đã bố trí cống tròn D60, D100, D125 cm, cống bản B75cm còn tốt, tận dụng cống cũ còn tốt, nên tiến hành nối cống, khâu độ cống bằng khâu độ cống cũ:

- Cống bản: Kết cấu cống bản qua đường: Móng rãnh, thân rãnh, mũ mố BTCT-M200; tấm bản đáy rãnh BTCT-M250, Tường cánh, tường thân sân cống BTXM M200

- Cống tròn: Sử dụng cống đúc sẵn tải trọng C, móng cống BTXM M200, Tường đầu, tường cánh, hố thu: Móng cống đệm đá dăm 10cm. Tường đầu, tường cánh, sân cống bằng BTXM M200;

#### **5. Tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật:**

- Nhà thầu Khảo sát, thiết kế lập BCKT-KT Công ty TNHH tư vấn xây dựng ELIXCONS Việt Nam.

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hưng Bình

#### **6. Địa điểm xây dựng: Xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên**

#### **7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:**

- Loại, nhóm công trình: Giao thông, nhóm C.

- Cấp công trình: Cấp IV.

#### **8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- Công trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (01 bước).

- Tiêu chuẩn khảo sát đường ô tô TCCS 31: 2020/TCĐBVN của Tổng cục đường bộ Việt Nam.

- Công tác trắc địa xây dựng công trình TCVN 9398: 2012

- Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình: TCVN 9437-2012;

- Tiêu chuẩn quốc gia khảo sát tính toán thủy văn TCVN 12571: 2018

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11823-1:2017 Thiết kế cầu đường bộ;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9343: 2012 - Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép-Hướng dẫn công tác bảo trì.

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế: TCVN 4054: 2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380: 2014;

- Tiêu chuẩn móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859: 2023;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng: TCCS39: 2022/TCĐBVN;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9116: 2012 về Cống hộp bê tông cốt thép;

- Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574: 2012;

- Tính toán dòng chảy lũ 22TCN 220-95.

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447: 2012.

- Thiết kế điển hình tường chắn đất bê tông và đá xây 86-06X.

- Quy chuẩn QCVN 41: 2024/BGTVT quy định về báo hiệu đường bộ.
- Và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

**9. Tổng dự toán xây dựng: 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn).7.**

|                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 7.033.681.837 đồng. |
| - Chi phí QLDA:     | 212.698.538 đồng.   |
| - Chi phí Tư vấn:   | 615.905.640 đồng.   |
| - Chi phí khác:     | 130.263.201 đồng.   |
| - Chi phí dự phòng: | 7.450.784 đồng.     |

**10. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2028**

**11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:**

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn khác.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:
- + Năm 2026 bố trí 7.100.000.000 đồng để triển khai dự án.
- + Năm 2027 bố trí số vốn còn lại hoàn thành dự án.

**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.**

**13. Phương án bồi thường: Không thực hiện.**

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Văn Hán) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, thực hiện theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các quy định hiện hành của Nhà nước. Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng, kế toán, quyết toán, công khai và lưu trữ hồ sơ dự án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- KBNN khu vực VII - Phòng GD số 2;
- Lưu: VT, KT.



**Trần Thị Anh Hoa**